

CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ

I – TỪ NGỮ NGHĨA RỘNG, TỪ NGỮ NGHĨA HẸP

Quan sát sơ đồ dưới đây và trả lời câu hỏi.



a) Nghĩa của từ *động vật* rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ *thú*, *chim*, *cá*? Vì sao?

b) Nghĩa của từ *thú* rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ *voi*, *hươu*? Nghĩa của từ *chim* rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ *tu hú*, *sáo*? Nghĩa của từ *cá* rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ *cá rô*, *cá thu*? Vì sao?

c) Nghĩa của các từ *thú*, *chim*, *cá* rộng hơn nghĩa của những từ nào, đồng thời hẹp hơn nghĩa của từ nào?

Ghi nhớ

Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn (khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn) nghĩa của từ ngữ khác:

- Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.
- Một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.
- Một từ ngữ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có thể có nghĩa hẹp đối với một từ ngữ khác.

II – LUYỆN TẬP

1. Lập sơ đồ thể hiện cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ trong mỗi nhóm từ ngữ sau đây (theo mẫu sơ đồ trong bài học):

a) y phục, quần, áo, quần đùi, quần dài, áo dài, sơ mi.

b) vũ khí, súng, bom, súng trường, đại bác, bom ba càng, bom bi.

2. Tìm từ ngữ có nghĩa rộng so với nghĩa của các từ ngữ ở mỗi nhóm sau đây :

a) xăng, dầu hoả, (khí) ga, ma dút, củi, than.

b) hội hoạ, âm nhạc, văn học, điêu khắc.

c) canh, nem, rau xào, thịt luộc, tôm rang, cá rán.

d) liếc, ngắm, nhòm, ngó.

e) đám, đá, thui, bịch, tát.

3. Tìm các từ ngữ có nghĩa được bao hàm trong phạm vi nghĩa của mỗi từ ngữ sau đây :

a) xe cộ

b) kim loại

c) hoa quả

d) (người) họ hàng

e) mang

4. Chỉ ra những từ ngữ không thuộc phạm vi nghĩa của mỗi nhóm từ ngữ sau đây :

a) thuốc chữa bệnh : át-xpi-rin, ăm-pi-xi-lin, pê-ni-xi-lin, thuốc giun, thuốc Lào.

b) giáo viên : thầy giáo, cô giáo, thủ quỹ.

c) bút : bút bi, bút máy, bút chì, bút điện, bút lông.

d) hoa : hoa hồng, hoa lay-ơn, hoa tai, hoa thược dược.

5*. Đọc đoạn trích sau và tìm ba động từ cùng thuộc một phạm vi nghĩa, trong đó một từ có nghĩa rộng và hai từ có nghĩa hẹp hơn.

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo [...].

(Nguyễn Hồng, Những ngày thơ ấu)